

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2521/KHXXH – QLKH  
V/v thông báo đề xuất nhiệm vụ KH&CN  
thuộc Chương trình Tây Nam Bộ

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	
C.V	Số: 5366
ĐẾN	Ngày: 11.12.2015
	Chuyên: (Chức vụ)
	N. H. Đ. Tại

- Kính gửi:
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ
  - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng Tây Nam Bộ
  - Các Viện nghiên cứu, các trường Đại học

Công văn số 5798/VPCP-KGVX ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Văn phòng Chính phủ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đồng chủ trì thực hiện Chương trình “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ” (Chương trình Tây Nam Bộ). Ngày 05 tháng 6 năm 2014, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 1337/QĐ-BKHCN thành lập Ban chủ nhiệm Chương trình, cử GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và PGS.TS. Phan Thanh Bình, Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh làm đồng chủ nhiệm Chương trình.

Trong năm 2015, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã tổ chức xét duyệt và triển khai 14 đề tài thuộc Chương trình (có danh mục kèm theo). Để thực hiện kế hoạch năm 2016, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đề nghị các cơ quan và cá nhân các nhà khoa học đề xuất nhiệm vụ khoa học (theo mẫu đính kèm) ở các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ theo các nội dung ở khung chương trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 734/QĐ-BKHCN ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ (có văn bản kèm theo), đề xuất phải có đối tác phối hợp là các cơ quan, tổ chức thuộc các địa phương vùng Tây Nam Bộ.

Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn và nhiệm vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ (cả bằng văn bản và bản điện tử) xin được gửi về Văn phòng chuyên môn Chương trình Tây Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, phòng 1109, tòa nhà 1A, số 1, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội; địa chỉ email: [vanphongchuyenmontnb@gmail.com](mailto:vanphongchuyenmontnb@gmail.com) trước ngày 02/01/2016.

Xin cảm ơn sự hợp tác của quý vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ KH&CN;
- Đại học Quốc gia TpHCM
- Lưu: VP, VPCM.



**Nguyễn Xuân Thắng**  
Đồng chủ nhiệm Chương trình Tây Nam Bộ

*Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2014*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm  
của Chương trình KH&CN cấp Quốc gia giai đoạn 2014 - 2019  
"Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ"**

**BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1244/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu của giai đoạn 2011 - 2015;

Theo Công văn số 5798/VPCP-KGVX ngày 17/7/2013 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước (nay là cấp Quốc gia) phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ;

Xét đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Vụ trưởng Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của Chương trình khoa học và công nghệ cấp Quốc gia giai đoạn 2014 - 2019 "Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ", Mã số: KHCN-TNB/14-19, gọi tắt là "Chương trình Tây Nam Bộ" (Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Ban Chủ nhiệm Chương trình Tây Nam Bộ; các ông Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương, Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ Tài chính; Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2,
- Lưu: VT, XHTN.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Quân



## Phụ lục

**MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN SẢN PHẨM  
CỦA CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2014 - 2019**  
**"Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ"**  
(Mã số: KH-CN-TNB/14-19)

*(Kèm theo Quyết định số 734/QĐ-KH-CN ngày 18 tháng 4 năm 2014  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

### I. Mục tiêu

#### *I.1. Mục tiêu tổng quát*

Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chiến lược, chính sách; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN); triển khai các giải pháp KH&CN phục vụ phát triển bền vững, phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng Tây Nam Bộ, có tính đến bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

#### *I.2. Các mục tiêu cụ thể*

(1) Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định và thực hiện chiến lược, chính sách phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(2) Đề xuất các giải pháp KH&CN liên ngành để thúc đẩy liên kết nội vùng và liên kết vùng trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.

(3) Triển khai có hiệu quả các giải pháp KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ đã được xác định trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 (Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ)\*.

\* Đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 đã nêu "Tập trung nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, như sản xuất lúa, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, cơ giới hoá nông nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học, cung cấp các giống cây, con, các dịch vụ kỹ thuật, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp cho cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long".

## **II. Các nội dung nghiên cứu chính**

### **II.1. Nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học cho việc hoạch định và thực hiện chiến lược, chính sách phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ**

- Đánh giá tổng kết thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Nam Bộ trong 30 năm đổi mới và phát triển; Nghiên cứu đề xuất quan điểm, mô hình, định hướng và hệ giải pháp cho phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ và các tỉnh trong vùng; Dự báo bối cảnh mới trong nước và quốc tế và tác động đến phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đánh giá các chương trình, dự án KH&CN từ năm 1986 đến nay phục vụ phát triển vùng Tây Nam Bộ, việc lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, việc triển khai các quy hoạch và giải pháp ở vùng Tây Nam Bộ về thể chế kinh tế thị trường, về kết cấu hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực phục vụ CNH, HĐH.

- Nghiên cứu đánh giá toàn diện thực trạng cơ cấu kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh và chuyển đổi sinh kế của các địa phương trong vùng Tây Nam Bộ. Đánh giá mức độ ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế của vùng Tây Nam Bộ theo hướng bền vững.

- Nghiên cứu đánh giá các vấn đề cơ bản về quốc phòng và an ninh trong mối tương quan với các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, và môi trường.

- Xây dựng bộ chỉ số phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ, đề xuất khung và phác thảo mô hình phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **II.2. Nghiên cứu các giải pháp KH&CN liên ngành để thúc đẩy liên kết nội vùng và liên kết vùng trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ**

- Nghiên cứu, đề xuất luận cứ khoa học xây dựng cơ chế, thể chế hợp tác, hệ thống chính sách tăng cường liên kết nội vùng và liên vùng trên cơ sở phát huy lợi thế cạnh tranh của mỗi tỉnh và toàn vùng.

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất các ngành và sản phẩm phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng Tây Nam Bộ, đảm bảo tính liên kết giữa các lĩnh vực, liên kết vùng, liên kết giữa các chủ thể xã hội và khả năng hội nhập quốc tế.

- Nghiên cứu tổng thể hiệu ứng các công trình phòng chống xói lở - bồi tụ cửa sông, ven biển; bảo tồn và phát triển các vùng ngập mặn ven bờ, khu dự trữ sinh quyển, phục vụ phát triển kinh tế bền vững cho vùng Tây Nam Bộ, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Triển khai một số mô hình liên kết giữa khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, giáo dục và đào tạo, kinh tế với văn hóa, hình thành các chuỗi giá trị hướng vào khai thác các lợi thế của vùng Tây Nam Bộ.

- Xây dựng và chuyển giao cơ sở dữ liệu tài nguyên thiên nhiên môi trường, kinh tế - xã hội cho vùng Tây Nam Bộ bằng các phần mềm tiên tiến, dễ truy cập. Xây dựng các bộ Atlas điện tử phục vụ công tác quản lý điều hành của lãnh đạo các cấp. Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin, đào tạo nguồn nhân lực quản lý khoa học và cơ chế cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý lãnh thổ.

### **II.3. Triển khai các giải pháp KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ**

- Ứng dụng có hiệu quả các giải pháp KH&CN phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn như sản xuất lúa, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, cơ giới hóa nông nghiệp; cung cấp giống cây, con, các dịch vụ kỹ thuật, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp, giải quyết đồng bộ các vấn đề liên quan đến vận chuyển, bảo quản, chế biến, dịch vụ tư vấn, tiếp thị quảng cáo, xây dựng thương hiệu, xuất khẩu... cho vùng Tây Nam Bộ.

- Triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học vào một số lĩnh vực chủ yếu: Nông - lâm - ngư nghiệp, y - dược, công nghiệp chế biến, xử lý và bảo vệ môi trường cho vùng Tây Nam Bộ.

- Triển khai có hiệu quả công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị, dây chuyền tự động đồng bộ trong chế biến, bảo quản và đa dạng hóa các mặt hàng nông - lâm - thủy sản, góp phần xây dựng các thương hiệu mạnh cho các sản phẩm xuất khẩu của vùng Tây Nam Bộ.

- Ứng dụng hiệu quả các công nghệ tiên tiến và phù hợp nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phát triển các dạng năng lượng tái tạo, năng lượng mặt trời, năng lượng gió đi đôi với đổi mới công nghệ theo hướng tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng cho vùng Tây Nam Bộ.

## **III. Các kết quả, sản phẩm KH&CN chủ yếu**

### **III.1. Báo cáo, kiến nghị về luận cứ khoa học**

- Báo cáo tổng kết, đánh giá thực tiễn 30 năm phát triển kinh tế xã-hội vùng Tây Nam Bộ, luận cứ khoa học, quan điểm, định hướng, mô hình, hệ giải pháp phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Báo cáo luận cứ khoa học, quan điểm, định hướng, giải pháp phát triển các ngành kinh tế chủ lực, sản phẩm mũi nhọn vùng Tây Nam Bộ theo hướng tăng cường liên kết vùng và khu vực, hội nhập quốc tế, phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng.

- Báo cáo luận cứ khoa học cho việc quy hoạch tổng thể vùng phục vụ PTBV vùng Tây Nam Bộ theo hướng tăng cường liên kết vùng và khu vực.

- Kiến nghị về cơ chế, thể chế hợp tác, hệ thống chính sách tăng cường liên kết nội vùng và liên vùng trên cơ sở phát huy lợi thế cạnh tranh của mỗi tỉnh và toàn vùng.

- Bộ chỉ số về phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ bao gồm các chỉ tiêu tổng hợp, các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường và thể chế phù hợp với bộ chỉ tiêu của quốc gia, mang đặc thù của vùng Tây Nam Bộ, gắn với hội nhập quốc tế.

### **III.2. Các giải pháp KH&CN liên ngành, cơ sở dữ liệu**

- Giải pháp KH&CN nâng cao giá trị các mặt hàng nông - lâm - thủy sản chế biến.

- Giải pháp KH&CN phòng chống xói lở - bồi tụ cửa sông, ven biển; bảo tồn và phát triển các vùng ngập mặn ven bờ, khu dự trữ sinh quyển, phục vụ phát triển kinh tế bền vững cho vùng Tây Nam Bộ, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Cơ sở dữ liệu tài nguyên thiên nhiên môi trường, kinh tế - xã hội cho vùng Tây Nam Bộ bằng các phần mềm tiên tiến, dễ truy cập. Các bộ Atlas điện tử phục vụ công tác quản lý điều hành của lãnh đạo các cấp. Cơ sở hạ tầng thông tin, đào tạo nguồn nhân lực quản lý khoa học và cơ chế cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý lãnh thổ.

### **III.3. Mô hình triển khai các giải pháp KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ**

- Mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất các ngành và sản phẩm phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng Tây Nam Bộ.

- Mô hình ứng dụng có hiệu quả các giải pháp KH&CN phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của vùng Tây Nam Bộ.

- Mô hình triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học vào một số lĩnh vực chủ yếu của vùng Tây Nam Bộ.

- Mô hình triển khai có hiệu quả công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị, dây chuyền tự động đồng bộ trong chế biến, bảo quản các mặt hàng nông - lâm - thủy sản cho vùng Tây Nam Bộ.

- Mô hình ứng dụng hiệu quả các công nghệ hiện đại nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng theo hướng tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng cho vùng Tây Nam Bộ.

- Mô hình liên kết giữa khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, giáo dục và đào tạo cho vùng Tây Nam Bộ.

---



C

C

**TÊN BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm 20...

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**CẤP QUỐC GIA**  
(Dùng cho chương trình KH&CN)

1. Tên chương trình KH&CN:
  
2. Căn cứ đề xuất chương trình (*Nêu rõ căn cứ pháp lý về định hướng phát triển ngành lĩnh vực, định hướng phát triển KH&CN trung và dài hạn và định hướng ưu tiên*)
  
3. Cơ sở khoa học và thực tiễn đối với việc xây dựng chương trình KH&CN:  
(*Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia quan trọng, Mức độ tác động đến phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương v.v...*)  
*Lưu ý:*
  - Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, nhà nước cần trích dẫn đầy đủ;
  - Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn)
  
4. Mục tiêu:
  
5. Nội dung KH&CN chủ yếu:
  
6. Kết quả dự kiến của chương trình:
  
7. Các chỉ tiêu cần đạt của chương trình:

8. Thời gian và kế hoạch dự kiến thực hiện:

9. Đề xuất tổ chức, cơ quan chủ trì triển khai thực hiện chương trình:

10. Năng lực của tổ chức, cơ quan tổ chức thực hiện chương trình:

11. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

12. Dự kiến tác động của chương trình đối với phát triển kinh tế - xã hội và phát triển khoa học và công nghệ trong ngành và lĩnh vực:

Bộ (ngành và địa phương)..... cam kết phối hợp thực hiện và có phương án sử dụng các kết quả của chương trình.

**PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO BỘ (NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)**  
*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 8 trang giấy khổ A4.*

Số: 1627 /QĐ-KHXH

Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 2015

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ để tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2015, Lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn và phát triển bền vững**

### **CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 109/2012/NĐ-CP ngày 26/12/2012 của Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Nghị định số 217/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 109/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3138/QĐ-BKHHCN ngày 13/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Quy chế tổ chức quản lý hoạt động Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ"; Quyết định số 1766/QĐ-BKHHCN ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 3138/QĐ-BKHHCN;

Trên cơ sở kết quả làm việc và kiến nghị của các Hội đồng KH&CN tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ thực hiện trong kế hoạch năm 2015;

Căn cứ Công văn số 2805/BKHHCN-XHTN ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hiệp y danh mục nhiệm vụ KH&CN năm 2015 thuộc Chương trình Tây Nam Bộ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng chuyên môn, Giám đốc Văn phòng Chương trình Tây Nam Bộ,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục 14 nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn và phát triển bền vững của Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ để tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2015 (Phụ lục kèm theo).



**Điều 2.** Giao cho Văn phòng chuyên môn phối hợp với Văn phòng Chương trình Tây Nam Bộ:

- Thông báo danh mục nhiệm vụ nêu tại Điều 1 trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định để các tổ chức, cá nhân biết và đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp;

- Tiến hành việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ nêu tại Điều 1.

- Căn cứ kết quả tuyển chọn, Chủ tịch Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Đồng Chủ nhiệm Chương trình Tây Nam Bộ phê duyệt danh sách tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn và phát triển bền vững.

**Điều 3.** Các Ông/Bà Chánh Văn phòng chuyên môn, Giám đốc Văn phòng Chương trình Tây Nam Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Lưu VT, VPCM, QLKH.



**Nguyễn Xuân Thắng**  
Đồng chủ nhiệm Chương trình Tây Nam Bộ

**DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**  
**CỦA CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG TÂY NAM BỘ**  
**ĐỀ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2015**  
*(Kèm theo quyết định số: 1627 /QĐ-KHXH ngày 6 tháng 8 năm 2015 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)*

TT	Tên đề tài	Định hướng mục tiêu
1.	<b>Tổng kết 30 năm đổi mới và phát triển vùng Tây Nam Bộ trên quan điểm phát triển bền vững</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>            Tổng kết lý luận và thực tiễn, đưa ra các đề xuất giải pháp về mặt chính sách với Đảng và Nhà nước nhằm phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho vùng Tây Nam Bộ</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b>            Đánh giá thực trạng phát triển vùng Tây Nam Bộ trong 30 năm đổi mới và phát triển trên các lĩnh vực.            Xây dựng các luận cứ khoa học để từ đó đề xuất hệ quan điểm, mô hình, định hướng và hệ giải pháp phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030</p>
2.	<b>Thực trạng, định hướng và giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Tây Nam Bộ theo hướng phát triển bền vững</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>            Đánh giá toàn diện thực trạng cơ cấu kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh và chuyển đổi sinh kế của các địa phương trong vùng Tây Nam Bộ. Tình hình ứng dụng KH&amp;CN phục vụ phát triển kinh tế của vùng Tây Nam Bộ theo hướng bền vững</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b>            - Làm rõ thực trạng cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 1986-2015.            - Xây dựng luận cứ khoa học về quan điểm, định hướng, hệ giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 dựa trên các đặc điểm cơ bản đặc thù của vùng.</p>
3.	<b>Thực trạng, định hướng và giải pháp phát triển nông nghiệp và thủy sản bền vững vùng Tây Nam Bộ</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>            Xây dựng luận cứ khoa học cho việc hoạch định chiến lược và chính sách phát triển nông nghiệp và thủy sản vùng Tây Nam Bộ</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b>            - Làm rõ thực trạng phát triển nông nghiệp và thủy sản vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 1986-2015.            - Xây dựng luận cứ khoa học cho phát triển bền vững nông nghiệp và thủy sản vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 dựa trên đặc thù của vùng</p>

TT	Tên đề tài	Định hướng mục tiêu
4.	<b>Thực trạng, định hướng và giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng bền vững vùng Tây Nam Bộ</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>            Tìm hiểu các giải pháp KH&amp;CN liên ngành nhằm thúc đẩy phát triển kết cấu cơ sở hạ tầng vùng Tây Nam Bộ</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b>            - Phân tích và làm rõ thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 1986-2015            - Xây dựng luận cứ khoa học nhằm phát triển kết cấu hạ tầng vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên quan điểm phát triển bền vững và đặc thù của vùng</p>
5.	<b>Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách liên kết nội vùng và liên vùng đối với vùng Tây Nam Bộ theo hướng phát triển bền vững</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>            Từ đánh giá thực trạng liên kết nội vùng và liên vùng của vùng Tây Nam Bộ, đưa ra định hướng xây dựng mô hình liên kết, đề xuất cơ chế, chính sách và hệ giải pháp đẩy mạnh liên kết nội vùng và liên vùng đối với vùng Tây Nam Bộ.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b>            - Đánh giá thực trạng liên kết và cơ chế, chính sách liên kết nội vùng và liên vùng của vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 1986-2015.            - Đề xuất quan điểm, định hướng xây dựng mô hình liên kết, xây dựng cơ chế, chính sách liên kết và hệ giải pháp đẩy mạnh liên kết nội vùng và liên vùng của vùng Tây Nam Bộ.</p>
6.	<b>Nghiên cứu luận cứ khoa học và đề xuất hệ giải pháp đột phá nhằm hiện thực hóa đặc khu kinh tế Phú Quốc</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>            Thông qua nghiên cứu, tham chiếu kinh nghiệm quốc tế về xây dựng cơ chế vượt trội cho các đặc khu kinh tế, đề xuất mô hình và hệ giải pháp xây dựng và phát triển đặc khu kinh tế Phú Quốc.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b>            - Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về xây dựng cơ chế vượt trội cho các đặc khu kinh tế.            - Rà soát hệ chính sách liên quan đến đặc khu kinh tế Phú Quốc.            - Đề xuất các luận cứ khoa học và hệ giải pháp đột phá cho xây dựng và phát triển đặc khu kinh tế Phú Quốc.</p>
7.	<b>Hợp tác xuyên biên giới của vùng Tây Nam Bộ</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>            Từ đánh giá thực trạng hợp tác xuyên biên giới của vùng Tây Nam Bộ, đưa ra định hướng xây dựng mô hình hợp tác, đề xuất chính sách và hệ giải pháp đẩy mạnh hợp tác xuyên biên giới của vùng Tây Nam Bộ.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b>            - Đánh giá thực trạng hợp tác xuyên biên giới của vùng Tây Nam Bộ với nước láng giềng, tiểu vùng GMS, khu vực ASEAN.            - Đề xuất quan điểm, định hướng, hệ giải pháp xây dựng mô hình và thúc đẩy hợp tác xuyên biên giới của vùng Tây Nam Bộ theo hướng phát triển bền vững và dựa trên đặc thù của vùng.</p>

TT	Tên đề tài	Định hướng mục tiêu
8.	<b>Thế chế phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>            Từ đánh giá thực trạng hệ thống thế chế phát triển vùng Tây Nam Bộ, đưa ra định hướng, đề xuất hệ giải pháp nhằm bổ sung và đổi mới hệ thống thế chế phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá, làm rõ thực trạng thế chế phát triển vùng Tây Nam Bộ nhằm xác định những vấn đề đặc thù của vùng trong việc xây dựng hệ thống thế chế phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ</li> <li>- Đề xuất quan điểm, định hướng và hệ giải pháp nhằm bổ sung và đổi mới hệ thống thế chế phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030.</li> </ul>
9.	<b>Hệ thống chính trị cơ sở với yêu cầu phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ hiện nay</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>            Nghiên cứu đề tạo dựng cơ sở khoa học cho việc đổi mới và phát triển hệ thống chính trị ở cơ sở ở các tỉnh, thành phố vùng Tây Nam Bộ nhằm phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng và phát triển hệ thống chính trị cơ sở tại một số địa bàn khác trong nước và kinh nghiệm của một số quốc gia có đặc điểm địa - chính trị và cơ cấu thành phần dân cư gần tương đồng với vùng Tây Nam Bộ.</li> <li>- Đánh giá thực trạng tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở ở các tỉnh, thành phố vùng Tây Nam Bộ.</li> <li>- Đề xuất quan điểm, định hướng và hệ giải pháp nhằm củng cố và phát triển hệ thống chính trị cơ sở phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.</li> </ul>
10.	<b>Vấn đề dân số và di dân trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>            Tìm hiểu thực trạng cũng như dự báo xu hướng dân số và di dân của Vùng Tây Nam Bộ trong giai đoạn từ 1986 đến 2015 và từ đó có thể đề xuất cho Chính phủ một số gợi ý về chính sách.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ vấn đề dân số, di dân đối với việc phát triển bền vững của khu vực Tây Nam Bộ;</li> <li>- Xây dựng luận cứ khoa học nhằm đề xuất các giải pháp để nhằm giải quyết vấn đề dân số và di dân gắn với phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 2015 – 2020 và tầm nhìn 2030</li> </ul>
11.	<b>Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>            Xây dựng chiến lược và đề xuất hệ giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ đến 2020, tầm nhìn 2030.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 1986 – 2015; làm rõ nhu cầu về nguồn nhân</li> </ul>



TT	Tên đề tài	Định hướng mục tiêu
	Nam Bộ	<p>lực và nhân lực chất lượng cao đối với phát triển kinh tế xã hội vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng luận cứ khoa học đề xuất các giải pháp phát triển nguồn nhân lực nhằm phục vụ phát triển bền vững cho vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn 2030</li> </ul>
12.	<b>Vấn đề đảm bảo quốc phòng và an ninh cho phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>          Thông qua đánh giá thực trạng tình hình quốc phòng và an ninh của vùng Tây Nam Bộ, đề xuất các quan điểm và giải pháp để đảm bảo quốc phòng và an ninh cho phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thực trạng công tác quốc phòng và an ninh vùng Tây Nam Bộ từ sau Đổi mới đến nay.</li> <li>- Làm rõ các điểm nóng liên quan đến chủ quyền quốc gia và an ninh chính trị vùng Tây Nam Bộ.</li> <li>- Đề xuất quan điểm, định hướng và hệ giải pháp nhằm đảm bảo quốc phòng và an ninh cho phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.</li> </ul>
13.	<b>Nghiên cứu tổng thể vấn đề dân tộc đối với việc phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>          Nhận diện các vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Tây Nam Bộ; đề xuất định hướng và hệ giải pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phục vụ phát triển bền vững Tây Nam Bộ đến 2020, tầm nhìn 2030.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận diện thực trạng các vấn đề dân tộc bức xúc hiện nay ở Tây Nam Bộ;</li> <li>- Đánh giá vai trò của mối quan hệ dân tộc đối với phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 1986-2015;</li> <li>- Dự báo các động thái dân tộc ở Tây Nam Bộ trong giai đoạn tới;</li> <li>- Đề xuất định hướng, hệ giải pháp giải quyết các vấn đề dân tộc nhằm đảm bảo khối đại đoàn kết các dân tộc vùng Tây Nam Bộ theo hướng bền vững.</li> </ul>
14.	<b>Nghiên cứu tổng thể vấn đề tôn giáo đối với việc phát triển bền vững Tây Nam Bộ</b>	<p><b>Mục tiêu tổng quát</b>          Phân tích thực trạng tôn giáo ở Tây Nam Bộ, đề xuất định hướng, hệ giải pháp giải quyết các vấn đề tôn giáo đảm bảo ổn định xã hội phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận diện thực trạng các vấn đề tôn giáo nổi bật hiện nay ở Tây Nam Bộ;</li> <li>- Đánh giá sự tác động của tôn giáo đến phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 1986-2015;</li> <li>- Dự báo động thái tôn giáo ở Tây Nam Bộ trong giai đoạn tới;</li> <li>- Đề xuất định hướng, hệ giải pháp giải quyết các vấn đề tôn giáo phục vụ ổn định xã hội, phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030.</li> </ul>